

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính			
Mã học phần:	72ACCT30503	Số tin chỉ:	03	
Mã nhóm lớp học phần:	241_72ACCT30503_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có		☐ Không	

I. Lưu ý

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy và gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO1/PI 1.2
CLO2	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO1/PI 1.2
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả,	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO1/PI 1.2

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn một cách chính xác					
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/PI 9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[lần 2]:

Ngày 1/7/N, công ty X vay tiền 300.000.000đ để phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất 10%/năm, trả lãi lần đầu vào ngày 30/6/N+1 bằng chuyển khoản. Bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ ngày 30/6/N+1? Biết kỳ kế toán của công ty là năm.

- A. Nợ TK 635: 15.000.000, Nợ TK 335: 15.000.000/Có TK 112: 30.000.000
- B. Nợ TK 635: 15.000.000, Nợ TK 341: 15.000.000/Có TK 112: 30.000.000
- C. Nợ TK 635: 30.000.000/Có TK 112: 30.000.000
- D. Nợ TK 242: 30.000.000/Có TK 112: 30.000.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[lần 2]:

Ngày 1/10/N, công ty X vay tiền 300.000.000đ để phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất 10%/năm, trả lãi lần đầu vào ngày 30/9/N+1 bằng chuyển khoản. Bút toán nào sau đây phản ánh nghiệp vụ ngày 30/9/N+1? Biết kỳ kế toán của công ty là năm.

- A. Nợ TK 635: 22.500.000, Nợ TK 335: 7.500.000/Có TK 112: 30.000.000
- B. Nợ TK 635: 22.500.000, Nợ TK 341: 7.500.000/Có TK 112: 30.000.000
- C. Nợ TK 635: 30.000.000/Có TK 112: 30.000.000
- D. Nợ TK 242: 30.000.000/Có TK 112: 30.000.000

ANSWER: A**Câu 2 (random 1 trong 2)****Câu 2a-CLO1/lần 2/**

Công ty A nhập kho đủ số công cụ được khách hàng X chuyển đến để trừ nợ gồm 20 chiếc có giá thanh toán 10.500.000đ, trong đó đã bao gồm thuế suất GTGT 5% (được khấu trừ). Kế toán ghi:

A. Nợ TK 153 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 131X 10.500.000	B. Nợ TK 153 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 331X 10.500.000
C. Nợ TK 153 10.500.000 Nợ TK 133 525.000 Có TK 131X 11.025.000	D. . Nợ TK 153 10.500.000 Nợ TK 133 525.000 Có TK 331X 11.025.000

ANSWER: A**Câu 2b-CLO1/lần 2/**

Công ty A đồng ý nhận số vật liệu được khách hàng X chuyển đến để trừ nợ, có giá thanh toán 10.500.000đ, trong đó đã bao gồm thuế suất GTGT 5% (được khấu trừ) đưa vào sản xuất trực tiếp. Toàn bộ số công cụ này đưa vào sử dụng tại phân xưởng loại phân bổ 1 lần. Kế toán ghi:

A. Nợ TK 621 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 131X 10.500.000	B. Nợ TK 152 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 331X 10.500.000
C. Nợ TK 152 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 131X 10.500.000	D. Nợ TK 621 10.000.000 Nợ TK 133 500.000 Có TK 331X 10.500.000

ANSWER: A**Câu 3 (random 1 trong 2)****Câu 3a-CLO1/lần 2/**

Ngày 31/12/N, kết quả kiểm kê kho hàng hoá A như sau: số lượng thực tế có trong kho là 10.000 chiếc và số lượng ghi trên sổ nhập xuất tồn là 9.950 chiếc. Chênh lệch chưa rõ nguyên nhân. Biết đơn giá nhập kho là 20.000đ/chiếc. Kế toán ghi:

A. Nợ TK 1381A 1.000.000 Có TK 1561A 1.000.000	B. Nợ TK 811 1.000.000 Có TK 1561A 1.000.000
C. Nợ TK 1561A 1.000.000	D. Nợ TK 1561A 1.000.000

Có TK 3381A	1.000.000	Có TK 711	1.000.000
-------------	-----------	-----------	-----------

ANSWER: A**Câu 3b-CLO1/lần 2/**

Ngày 31/12/N, kết quả kiểm kê kho hàng hoá A như sau: số lượng thực tế có trong kho là 10.000 chiếc và số lượng ghi trên sổ nhập xuất tồn là 10.050 chiếc. Chênh lệch chưa rõ nguyên nhân. Biết đơn giá nhập kho là 20.000đ/chiếc. Kế toán ghi:

A. Nợ TK 1561A	1.000.000	B. Nợ TK 811	1.000.000
Có TK 3381A	1.000.000	Có TK 1561A	1.000.000
C. Nợ TK 1381A	1.000.000	D. Nợ TK 1561A	1.000.000
Có TK 1561A	1.000.000	Có TK 711	1.000.000

ANSWER: A**Câu 4 (random 1 trong 2)****Câu 4a-CLO1/lần 2/**

Ngày 01/01/N, công ty phát hành thêm 60.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 17.500đ/cp, mệnh giá 10.000 đ/cp, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

A. Nợ TK 1121	1.050.000.000	B. Nợ TK 421	1.050.000.000
Có TK 41111	600.000.000	Có TK 41111	450.000.000
Có TK 4112	450.000.000	Có TK 4112	600.000.000
C. Nợ TK 421	600.000.000	D. Nợ TK 1121	1.050.000.000
Nợ TK 4112	450.000.000	Có TK 41111	1.050.000.000
Có TK 41111	1.050.000.000		

ANSWER: A**Câu 4b-CLO1/lần 2/**

Ngày 01/01/N, công ty phát hành thêm 60.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn với giá phát hành 7.500đ/cp, mệnh giá 10.000 đ/cp, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Kế toán ghi nhận bút toán phát hành thêm cổ phiếu như sau:

A. Nợ TK 1121	450.000.000	B. Nợ TK 421	450.000.000
Nợ TK 4112.	150.000.000	Có TK 41111	450.000.000
Có TK 41111	600.000.000	Có TK 4112	150.000.000

C. Nợ TK 421	450.000.000	D. Nợ TK 1121	600.000.000
Nợ TK 4112	150.000.000	Có TK 41111	450.000.000
Có TK 41111	600.000.000	Có TK 4112	150.000.000

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)

Câu 5a-CLO2/lần 2/

Hoạt động thông báo chia cổ tức cho cổ đông sẽ làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu nào của Bảng cân đối kế toán của công ty?

- A. Nợ phải trả tăng và Vốn chủ sở hữu giảm
- B. Tài sản giảm, Vốn chủ sở hữu giảm
- C. Nợ phải trả giảm và Vốn chủ sở hữu tăng
- D. Tài sản tăng, Vốn chủ sở hữu tăng

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2/lần 2/

Hoạt động chi tiền chia cổ tức cho cổ đông sẽ làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu nào của Bảng cân đối kế toán của công ty?

- A. Tài sản giảm, Nợ phải trả giảm
- B. Tài sản giảm, Vốn chủ sở hữu giảm
- C. Nợ phải trả giảm và Vốn chủ sở hữu tăng
- D. Nợ phải trả tăng và Vốn chủ sở hữu giảm

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2/lần 2/

Trích số dư tài khoản 131 tại đầu tháng 12/N như sau:

- TK 131-A (dư Nợ) 100.000.000 đồng (Thời hạn thu nợ 15/1/N+1);
- TK 131-B (dư Có) 50.000.000 đồng (Thời hạn giao hàng là 05/1/N+1).

31/12/N công ty thu nợ khách hàng A bằng tiền gửi ngân hàng là 40.000.000đ. Hỏi thông tin liên quan đến khoản phải thu khách hàng trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N được trình bày như thế nào?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 60.000.000; Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương 50.000.000
- B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 10.000.000

C. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền ghi dương 60.000.000;

Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước dài hạn”, mã số 332, số tiền ghi dương 50.000.000

D. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền ghi dương 10.000.000

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 2]

Trích số dư tài khoản 131 tại đầu tháng 12/N như sau:

- TK 131-A (dư Nợ) 100.000.000 đồng (Thời hạn thu nợ 15/1/N+1);
- TK 131-B (dư Có) 50.000.000 đồng (Thời hạn giao hàng là 05/1/N+1).

31/12/N công ty giao hàng đợt 1 cho khách hàng B trị giá bán 30.000.000đ. Hỏi thông tin liên quan đến khoản phải thu khách hàng trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N được trình bày như thế nào?

A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000;

Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”, mã số 312, số tiền ghi dương 20.000.000

B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 80.000.000

C. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền ghi dương 100.000.000;

Chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước dài hạn”, mã số 332, số tiền ghi dương 20.000.000

D. Chỉ tiêu “Phải thu dài hạn của khách hàng”, mã số 211, số tiền ghi dương 80.000.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 2]

Công ty X mua trả góp một xe cẩu dùng phục vụ bốc dỡ hàng với giá mua trả ngay chưa thuế 300.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT được khấu trừ 8%, lãi trả góp 18.000.000 đồng. Công ty đã chuyển khoản thanh toán ngay 200.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả góp trong vòng 18 tháng bắt đầu từ tháng sau. Chi phí trước khi sử dụng đã trả bằng tiền mặt 2.160.000 đồng, trong đó thuế GTGT được khấu trừ 160.000 đồng. Nguyên giá tài sản cố định trên được xác định bằng bao nhiêu?

A. 302.000.000 đồng

B. 326.160.000 đồng

C. 320.000.000 đồng

D. 344.160.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 2]

Công ty X mua trả góp một xe cẩu dùng phục vụ bốc dỡ hàng với giá mua trả ngay chưa thuế 300.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 8%, lãi trả góp 18.000.000 đồng. Công ty đã chuyển

khoản thanh toán ngay 200.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả góp trong vòng 18 tháng bắt đầu từ tháng sau. Chi phí trước khi sử dụng đã trả bằng tiền mặt 2.160.000 đồng, trong đó thuế GTGT 160.000 đồng. Xác định nguyên giá tài sản cố định của xe cẩu. Biết thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

- A. 326.160.000 đồng
- B. 302.000.000 đồng
- C. 320.000.000 đồng
- D. 344.160.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5/lần 2/

Doanh nghiệp nhận góp vốn một mảnh đất ở với giá trị 5 tỷ đồng, dùng cho hoạt động sản xuất, kế toán ghi:

- A. Tăng tài khoản 213 “TSCĐ vô hình” và không trích khấu hao
- B. Tính chung vào giá trị nhà xưởng được xây dựng trên nền đất đó và khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính của nhà xưởng.
- C. Tăng tài khoản 213 “TSCĐ vô hình” và trích khấu hao theo thời gian ước tính của nhà cửa vật kiến trúc trên mảnh đất.
- D. Tăng tài khoản 242 “Chi phí trả trước” và phân bổ dần vào chi phí sản xuất trong thời gian ước tính hoạt động của doanh nghiệp là 3 năm.

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5/lần 2/

Doanh nghiệp đem thế chấp giấy tờ nhà đất có quyền sử dụng không thời hạn để vay vốn kinh doanh, kế toán ghi:

- A. Không ghi giảm tài khoản Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất thế chấp
- B. Ghi giảm tài khoản Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất thế chấp.
- C. Ghi giảm tài khoản Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất thế chấp và giảm cả tài khoản tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc đã xây trên mảnh đất thế chấp.
- D. Ghi giảm tài sản cố định hữu hình và hao mòn lũy kế của tài sản đem thế chấp.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Công ty cổ phần T&A được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/N-5, chuyên kinh doanh mặt hàng X. Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty:

- Kỳ kế toán tháng;

- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số khoản mục kế toán tại ngày 31/12/N-1:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 155X	1.200.000.000	10.000 sản phẩm X
TK 242_Dell	4.500.000	Đang sử dụng tại phòng kế toán, thời gian còn phân bổ 3 tháng.
TK 131Q	200.000.000	
TK 228H	900.000.000	Tương đương 18% quyền biểu quyết
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 01/N sau:

1.a.1. Ngày 2, công ty xuất kho trả lại 1.000kg nguyên vật liệu K do không đạt chất lượng và nhận lại tiền hàng bằng chuyển khoản. Đơn giá mua chưa thuế 20.000đ/kg, mặt hàng này chịu thuế suất thuế GTGT 8%. Chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển trả lại hàng là 400.000đ chưa gồm 8% thuế suất thuế GTGT được tính vào chi phí khác **(1,0 điểm)**

1.a.2. Ngày 4, công ty nhận góp liên doanh bằng một dây chuyền sản xuất sản nhựa về chờ lắp ráp. Theo giá trị sổ sách của bên góp vốn, tài sản này có nguyên giá 300.000.000đ, khấu hao lũy kế 50.000.000. Theo đánh giá của hội đồng liên doanh tài sản này trị giá 250.000.000đ. Chi phí lắp đặt dây chuyền phát sinh hoàn thành trong ngày là 4.320.000đ, trong đó gồm 8% thuế GTGT thanh toán bằng tiền tạm ứng. **(1,0 điểm)**

1.a.3. Ngày 5, bộ phận kế toán báo hỏng laptop dell, phế liệu thu hồi nhập kho ước tính 600.000đ, còn lại ghi nhận vào chi phí. (0,5 điểm)

1.a.4. Ngày 14, công ty đem góp vốn bổ sung vào công ty H bằng 1 xe tải có nguyên giá 400.000.000đ, thời gian sử dụng ước tính 5 năm, hao mòn lũy kế tính đến thời điểm góp vốn 95.000.000đ. Chi phí tân trang để đem góp vốn phát sinh thanh toán bằng tiền mặt là 5.400.000đ, đã gồm 8% thuế suất thuế GTGT, được công ty ghi nhận vào chi phí khác. Hội đồng thống nhất trị giá vốn góp là 300.000.000đ. Tỷ lệ vốn góp của công ty tại công ty H tăng từ 18% lên 24% quyền biểu quyết. (1,5 điểm)

1.a.5. Ngày 20, công ty phát hành 1.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000đ/ trái phiếu, giá phát hành 1.250.000đ/trái phiếu, đã thu bằng chuyển khoản, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 7%/năm, trả lãi khi đáo hạn trái phiếu. Chi phí phát hành trái phiếu (không phân bổ dần) tính theo tỉ lệ 0,4% trên giá phát hành đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phát hành trái phiếu để vay vốn dùng riêng cho hoạt động đầu tư XD CB công trình nhà văn phòng. Lãi trái phiếu đủ điều kiện vốn hóa vào giá trị công trình xây dựng. Công ty thực hiện phân bổ phụ trội trái phiếu theo đường thẳng. **(1,0 điểm)**

1.a.6. Ngày 25, chi phí lương phát sinh tại nhà máy là 240.000.000đ, trong đó lương nhân viên đứng dây chuyên sản xuất 180.000.000đ, còn lại là lương quản đốc và bộ phận bảo trì máy. Các khoản trích theo lương theo tỷ lệ 34%, trong đó 23,5% do đơn vị chịu, còn lại người lao động chịu **(1,0 điểm)**

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận bài TL1		6.0	
(1)	+ Xuất kho trả lại hàng (0,5 điểm) Nợ TK112 21.600.000 Có TK 152 20.000.000 (a) Có TK 133. 1.600.000 (b) (a): 20.000×1.000 (b): $20.000.000 \times 8\%$	0.5	
	+ Chi phí vận chuyển trả lại hàng Nợ TK 811 400.000 Nợ TK 133. 32.000 (a) Có TK 111 432.000 (b) (a): $400.000 \times 8\%$ (b): $400.000 + 32.000$	0.5	
(2)	+ Nhận góp vốn liên doanh Nợ TK 211 250.000.000 Có TK 4111. 250.000.000	0.5	
	+ Chi phí lắp đặt (0,5 điểm) Nợ TK 211 4.000.000 Nợ TK 133 320.000 Có TK 141 432.000	0.5	
(3)	Bảo hủng kê Nợ 152 600.000 Nợ 642 3.900.000 (a) Có 242 4.500.000 (a) $4.500.000 - 600.000$	0.5	

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
(4)	Đem tài sản đi góp vốn Nợ 228H: 300.000.000 Nợ 214 95.000.000 Có 811. 5.000.000 Có 211 400.000.000	0,5	
	Tăng tỷ lệ biểu quyết Nợ 222H: 1.200.000.000 Có 228H 1.200.000.000	0.5	
	CP tân trang tài sản đem góp vốn Nợ 811 5.000.000 (a) Nợ 133 400.000 (b) Có 111 5.400.000 (a) 5.400.000/(1+8%) (b) 5.000.000 * 8%	0.5	
(5)	+ Phát hành TP thu tiền mặt Nợ TK 112 1.250.000.000 (a) Có TK 34311 1.000.000.000 (b) Có TK 34313 250.000.000 (c) (a) (1.000tp x 1.250.000đ/tp) (b) (1.000tp x 1.000.000đ/tp) (c) (1.000tp x 250.000đ/tp)	0,5	
	+ Chi phí phát hành Nợ TK 2412 5.000.000 (a) Có TK 111 5.000.000 (a): (0,4% x 1.000tp x 1.250.000đ/tp)	0,5	
(6)	Chi phí lương Nợ TK 622. 180.000.000 Nợ TK 627. 60.000.000 Có TK 334 240.000.000		
	Các khoản trích theo lương Nợ TK 622. 42.300.000(a)		

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
	Nợ TK 627. 14.100.000 (b) Nợ TK 334 . 25.200.000 (c) Có TK 338. 81.600.000 (a) 180.000.000*23,5% (b) 60.000.000 * 23,5% (c) 240.000.000 *10,5%		
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



Lê Ngọc Anh